

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 32/2002/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 172/2001/QĐ-TTg ngày 5/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý giãn nợ, khoanh nợ, xóa nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước đối với những doanh nghiệp, cơ sở SXKD có khó khăn do nguyên nhân khách quan

Căn cứ quy định của Luật thuế, pháp lệnh thuế và chế độ thu NSNN hiện hành;

Căn cứ Chỉ thị số 12/2001/CT-TTg ngày 23/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý kết quả tổng kiểm kê tài sản và xác định lại giá trị tài sản doanh nghiệp nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 1/1/2000;

Căn cứ Quyết định số 172/2001/QĐ-TTg ngày 5/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý giãn nợ, khoanh nợ, xóa nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước đối với những doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có khó khăn do nguyên nhân khách quan;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý giãn nợ, khoanh nợ, xóa nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh có khó khăn do nguyên nhân khách quan như sau:

A. Đối tượng và phạm vi xử lý

1. Đối tượng được xử lý các khoản nợ thuế và khoản phải nộp NSNN bao gồm: các Tổng Công ty, Công ty, Nhà máy, Xí nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật doanh nghiệp (trước đây là Luật Công ty), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (gọi chung là doanh nghiệp); các cơ sở sản xuất, kinh doanh bao gồm: các tổ chức, cá nhân không thuộc các đối tượng nêu trên (trừ hộ nông dân sản xuất nông nghiệp được xử lý theo quy định của chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp) có hoạt động sản xuất kinh doanh đang nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN trong các trường hợp nêu tại Thông tư này.

2. Các khoản nợ thuế và khoản phải nộp NSNN được xử lý bao gồm: thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhà đất, thuế lợi tức, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế về sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước, khấu hao cơ bản, phí, lệ phí thuộc Ngân sách Nhà nước; Các khoản tiền phạt tính trên các khoản chậm nộp Ngân sách Nhà nước (nêu trên).

B. Xử lý các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN

I. Giãn nợ (chậm nộp) thuế và các khoản phải nộp NSNN.

1. Đối tượng được xử lý chậm nộp:

a. Doanh nghiệp nợ tiền thuế và các khoản phải nộp NSNN không có khả năng nộp NSNN đúng hạn do các nguyên nhân khách quan sau:

Thay đổi chính sách thuế và các khoản phải nộp NSNN, như: Nhà nước điều chỉnh tăng mức thuế, thu NSNN mà các khoản tăng thuế và thu này trực tiếp làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến nợ thuế. Số tiền thuế và khoản phải nộp NSNN được chậm nộp tối đa bằng số phát sinh tăng do thay đổi chính sách của tháng hoặc kỳ kê khai thuế đầu tiên tính theo chính sách thuế mới.

Di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên doanh nghiệp phải ngừng hoặc giảm sản xuất, kinh doanh, tăng chi phí đầu tư ở nơi sản xuất kinh doanh mới nên doanh nghiệp nợ thuế.

Do tổ chức lại sản xuất kinh doanh, thay đổi ngành nghề kinh doanh, sản xuất sản phẩm mới thay thế sản phẩm cũ, nhưng trong thời gian đầu sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, bị lỗ chưa xử lý được dẫn đến nợ thuế.

Thiệt hại do thiên tai làm ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nợ thuế. Số tiền thuế và các khoản phải nộp NSNN được chậm nộp là số thuế, các khoản phải nộp NSNN nợ đọng tính đến thời điểm xảy ra thiên tai chưa có khả năng nộp.

Các trường hợp nợ đọng do các nguyên nhân nêu trên, thời gian được chậm nộp xác định cho từng trường hợp cụ thể là:

6 tháng đối với các doanh nghiệp nợ thuế do thay đổi chính sách thuế và các khoản phải nộp NSNN; nếu doanh nghiệp bị lỗ do nguyên nhân thay đổi chính sách, hết thời hạn 6 tháng chưa có khả năng nộp hết nợ thì được xem xét cho kéo dài thời gian nợ thêm 6 tháng.

12 tháng đối với các doanh nghiệp di chuyển địa điểm kinh doanh, bị thiệt hại do thiên tai, chuyển đổi sản xuất kinh doanh.

b/ Doanh nghiệp nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN từ nguồn vốn đối ứng của NSNN, nhưng NSNN chưa bố trí hoặc chưa cấp dẫn đến nợ đọng thuế, doanh nghiệp được xét chậm nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN cho tới khi doanh nghiệp được Nhà nước giải quyết nguồn vốn. Đối tượng này bao gồm:

Các doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ bằng nguồn vốn thanh toán từ NSNN nhưng chưa được NSNN cấp nên chưa có nguồn để nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN.

Các doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu hàng hoá để thanh toán trả nợ nước ngoài theo chỉ định của Chính phủ, thuộc diện được Nhà nước thanh toán nhưng chưa được NSNN thanh toán nên thiếu nguồn để nộp tiền thuế và các khoản phải nộp NSNN.

c/ Các doanh nghiệp còn nợ tiền thuế và các khoản phải nộp NSNN từ 31/12/1998 trở về trước (trừ các trường hợp được giải quyết hoãn nợ, xóa nợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này) thuộc đối tượng được xử lý chậm nộp theo hướng dẫn tại mục I này phải gửi bản đăng ký thời gian thanh toán các khoản nợ với cơ quan thuế, cơ quan hải quan tỉnh, thành phố, xác định cụ thể số thanh toán nợ từng quý. Thời hạn doanh nghiệp phải thanh toán hết các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN nói trên chậm nhất là ngày 31/12/2002.

2/ Thủ tục hồ sơ.

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được xử lý chậm nộp nêu tại điểm 1 trên đây phải lập hồ sơ gửi tới Cục thuế (Cục Hải quan đối với các khoản thuế của hàng hóa xuất nhập khẩu) gồm:

Văn bản đề nghị chậm nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN, nêu rõ nguyên nhân, khó khăn của doanh nghiệp theo từng trường hợp nêu trên, số thuế và các khoản phải nộp NSNN, thời gian đề nghị chậm nộp thuế.

Bản sao tờ khai thuế hoặc thông báo nộp thuế của Cơ quan Thuế, Hải quan liên quan tới số thuế và các khoản phải nộp NSNN đơn vị xin chậm nộp.

Trường hợp do di chuyển địa điểm kinh doanh gửi kèm theo bản sao (có đóng dấu của doanh nghiệp) quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di chuyển địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Trường hợp do thiên tai gửi kèm theo văn bản của doanh nghiệp xác định giá trị tài sản bị thiệt hại và phương án xử lý có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan tài chính địa phương về giá trị tài sản bị thiệt hại (bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp).

3/ Trình tự và thẩm quyền giải quyết.

Cục thuế (Cục Hải quan đối với các khoản nợ đọng thuế xuất nhập khẩu) tiếp nhận hồ sơ đề nghị chậm nộp thuế của doanh nghiệp có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ, xác định số thuế, khoản phải nộp NSNN và thời gian cho doanh nghiệp được chậm nộp, ra quyết định giãn nợ cho doanh nghiệp đối với các trường hợp cho chậm nộp với số tiền từ 500 triệu đồng trở xuống và với thời gian tối đa là 6 tháng (theo mẫu số 01/QĐ ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp hết thời hạn 6 tháng nhưng doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn, kinh doanh bị lỗ, chưa có khả năng nộp được hoặc chưa nộp đủ số thuế nợ đọng được chậm nộp thì Cục thuế, Cục Hải quan xem xét gia hạn cho doanh nghiệp chậm nộp thuế tiếp 6 tháng. Ngoài các trường hợp nói trên, Cục thuế, Cục Hải quan phải gửi hồ sơ kèm theo ý kiến của Cục về Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan để xem xét quyết định.

Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan xem xét và quyết định các trường hợp cho chậm nộp với số tiền trên 500 triệu đồng trở lên.

II. Khoanh nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN.

1/ Đối tượng được khoan nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN:

Doanh nghiệp nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN nhưng không có khả năng nộp do sản xuất, kinh doanh thua lỗ đang lâm vào tình trạng phải giải thể, phá sản thì được xem xét khoan nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN. Thời gian khoan nợ kể từ ngày xác định nợ cho tới khi doanh nghiệp giải thể, phá sản. Khi doanh nghiệp giải thể, phá sản thì áp dụng các biện pháp và trình tự thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

Các trường hợp sản xuất kinh doanh bị thua lỗ đang lâm vào tình trạng phải phá sản là các doanh nghiệp quy định tại Điều 3 Nghị định số 189/CP ngày 23/12/1994 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp; các doanh nghiệp Nhà nước giải thể theo hướng dẫn tại điểm 1, mục II, Thông tư số 25 TC/TCĐN ngày 15/5/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục, nguyên tắc xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp Nhà nước. Khi phá sản, giải thể doanh nghiệp, số thuế và các khoản phải nộp NSNN nợ đọng đã được khoan nợ sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục III Thông tư số 25 TC/TCĐN (nêu trên).

2/ Thủ tục hồ sơ.

Doanh nghiệp thuộc đối tượng khoan nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN phải lập và gửi hồ sơ cho Cục thuế. Hồ sơ gồm có:

Văn bản đề nghị khoan nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN của doanh nghiệp giải trình rõ nguyên nhân phát sinh lỗ, những khó khăn của doanh nghiệp không có khả năng tự bù đắp lỗ dẫn đến tình trạng phá sản, giải thể doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (theo phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư).

Quyết toán thuế xác định rõ số nợ đọng thuế chi tiết theo từng khoản nợ thuế và thu khác; Đối với nợ đọng thuế xuất, nhập khẩu, phải có xác nhận của cơ quan hải quan trực tiếp quản lý thu thuế về số thuế xuất nhập khẩu còn nợ đọng.

Báo cáo tài chính đến năm đề nghị khoan nợ thuế của doanh nghiệp có số báo cáo lũy kế.

3/ Trình tự và thẩm quyền giải quyết.

Cục thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị khoan nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN của doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, xác định số thuế và các khoản phải nộp NSNN cho khoan nợ, có công văn đề nghị Bộ Tài chính (gửi về Tổng cục thuế) (theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này) về số thuế và các khoản phải nộp NSNN đề nghị cho khoan nợ.

Tổng cục thuế tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp và đề nghị của Cục thuế, xác định số thuế và các khoản phải nộp NSNN cho khoan nợ, ra quyết định khoan nợ cho doanh nghiệp (theo mẫu số 02/QĐ ban hành

kèm theo Thông tư này). Trường hợp khoan nợ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các khoản thuế thu ỏkhâu nhập khẩu, Tổng cục thuế phải gửi 1 bản Quyết định cho cơ quan Hải quan cóliên quan.

III. Giải quyết hỗ trợ vốn đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước.

1/ Đối tượng được giải quyết:

Doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả doanh nghiệp Nhà nước nay đãchuyển sang công ty cổ phần) có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phêduyet nhưng thiếu vốn đầu tư đã sử dụng tiền thuế và các khoản phải nộp NSNNtính đến ngày 31/12/1999 trở về trước để thực hiện dự án đầu tư, đến nay vẫnkhông có khả năng thanh toán, nếu công trình đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng, kết quả SXKD sau khi đầu tư có hiệu quả: tăng lãi hoặc giảm lỗ và số thuế nộp NSNN tăng hơn so với năm trước khi đầu tư, thì doanh nghiệp được xem xétgiải quyết hỗ trợ vốn đầu tư. Đối với những doanh nghiệp đã lập hồ sơ để xemxét giải quyết hỗ trợ vốn theo Thông tư số 65/2001/TT-BTC ngày 10/8/2001 của BộTài chính thì không giải quyết tiếp theo quy định tại mục III phần B Thông tụnày.

Số vốn được giải quyết đối với từng doanh nghiệp tối đa bằng sốthuế và các khoản phải nộp NSNN doanh nghiệp đã dùng vào đầu tư từ năm 1999 trở về trước thực tế còn nợ tính đến thời điểm doanh nghiệp đề nghị giải quyết vónvà sau khi cân đối, huy động hết các nguồn vốn đầu tư khác của doanh nghiệp.

Đối với các khoản thuế và các khoản phải nộp NSNN từ ngày 1/1/2000trở đi doanh nghiệp đã chiếm dụng để đầu tư thì doanh nghiệp phải hoàn trả đầyđủ ngay cho NSNN và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định.

2/ Thủ tục hồ sơ.

Văn bản đề nghị giải quyết cấp hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn doanhnghiệp còn nợ ngân sách nhà nước, trong đó giải trình rõ:

Tổng giá trị đầu tư theo dự án được duyệt;

Trị giá đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị... theoquyết toán đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng;

Các nguồn vốn huy động vào đầu tư: vốn ngân sách nhà nước cấp; vóncủa doanh nghiệp (quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, vốn kinh doanh khác); vónvay ngân hàng và tổ chức, cá nhân khác; vốn chiếm dụng tiền thuế và các khoảnphải nộp ngân sách (chi tiết theo từng khoản phải nộp).

Dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh được cấp có thẩm quyềnphê duyệt;

Quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản được phê duyệt theo đúng quyđịnh hiện hành;

Quyết toán tài chính, quyết toán thuế của năm 1999, xác định rõcác khoản phải nộp ngân sách nhà nước còn nợ đọng mà doanh nghiệp đã chiếm dụngđể đầu tư;